

CTCP XNK THỦY SẢN BẾN TRE
AQUATEX BENTRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 222 /BC.ABT

Bến Tre, ngày 23 tháng 04 năm 2025
Ben Tre, day 23 month 04 year 2025

BÁO CÁO/ANNUAL REPORT
Thường niên năm/Year 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM
To: - The State Securities Commission;
- HCMC Stock Exchange.

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre**
Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:
1300376365 do Sở KH & ĐT Bến Tre cấp thay đổi lần 12 ngày 27/11/2023.

- Vốn điều lệ/Charter capital: 143.872.070.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 434.273.706.501 đồng

- Địa chỉ/Address: Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

Hamlet 9, Tan Thach Village, Chau Thanh District, Ben Tre Province.

- Số điện thoại/Telephone: 0275. 3860 265

- Số fax/Fax: 0275. 3860 346

- Website: www.aquatexbentre.com

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): ABT

- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh 22 được UBND tỉnh Bến Tre thành lập năm 1977, cấp quản lý trực tiếp là Sở Thủy sản Bến Tre/ Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company, formerly known as Frozen Factory 22, was established in 1977 by the People's Committee of Ben Tre Province, directly managed by the Ben Tre Department of Fisheries.

Trong quá trình hoạt động, tên Công ty có thay đổi như sau/ During its operation, the Company's name changed as follows:

Từ 1977 đến 1988: Xí nghiệp Đông lạnh 22/ From 1977 to 1988: Frozen Factory 22;

Từ 1988 đến 1992: Liên hiệp các xí nghiệp thủy sản xuất khẩu Bến Tre/ *From 1988 to 1992: Union of Ben Tre Export Aquaproduct Factories;*

Từ 1992 đến 2003: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre/ *From 1992 to 2003: Ben Tre Frozen Aquaproduct Export Company.*

Từ 2004: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre/ *Since 2004: Bentre Frozen Aquaproduct Export Company was equitized and transformed into Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company.*

- Các sự kiện khác/*Other events:*

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM từ tháng 12/2006/ *The shares of Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company have been listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange since December 2006.*

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Business lines:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).*

Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Xuất, nhập khẩu thủy sản; Bán buôn thủy sản/*Aquaculture; Processing and preserving seafood and seafood products; Import and export of seafood; Wholesale of seafood.*

- *Địa bàn kinh doanh/Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).*

Trụ sở Công ty, nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh Bến Tre/ *Company headquarters, processing plant in Ben Tre province;*

Vùng nuôi của Công ty tọa lạc tại tỉnh Bến Tre, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long/ *The Company's farming areas are located in Ben Tre, Dong Thap, and Vinh Long provinces.*

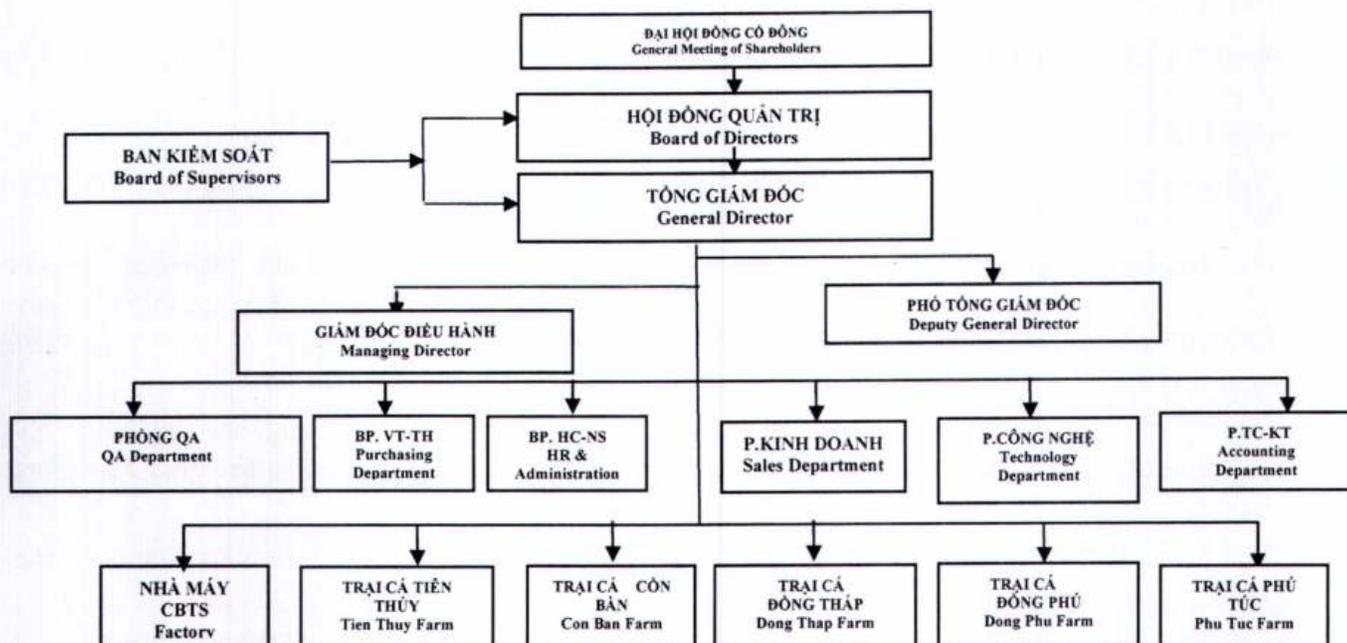
Sản phẩm của Công ty đã có mặt tại các nước: EU, Nhật, Canada, Trung Đông, Trung Quốc,.../ *The Company's products are present in countries such as: EU, Japan, Canada, Middle East, China,...*

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- *Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises).*

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc/ *The company is managed and operated according to an organizational structure including: General Meeting of Shareholders (GMS), Board of Directors (BOD), Board of Supervisors (BOS), Board of Management (BOM).*

- *Cơ cấu bộ máy quản lý/Management structure.*



- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Công ty con/*Subsidiary*: Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT High-tech Co, LTD)/ *AQUATEX BENTRE High-tech Aquaproducat Co., Ltd (ABT High-tech Co, LTD)*.

Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: Ấp 9 (thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre/ *Hamlet 9 (land plot No. 113, map sheet No. 09), Tan Thach Commune, Chau Thanh District, Ben Tre Province*.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính/*Main business field*: Sản xuất giống thủy sản/*Production of aquatic breeds*.

Vốn điều lệ thực góp/*Actual contributed charter capital*: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)/ *VND 10,000,000,000 (Ten billion dong)*.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con/*Company's ownership ratio in subsidiary*: 100%.

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*:

Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để giữ vững tốc độ sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty/*Continuously improve and enhance management capacity to maintain the pace of production and business and the operational efficiency of the Company*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*:

+ Chủ động nguồn nguyên liệu sạch cho chế biến xuất khẩu/*Proactively secure clean raw material sources for export processing*.

+ Nâng cấp chất lượng, đưa hoạt động ương nuôi cá tra đạt trình độ hàng đầu Việt Nam/*Upgrade quality, bringing pangasius farming operations to the leading level in Vietnam*.

+ Duy trì sản xuất đồng thời 2 nhóm sản phẩm nghêu và cá tra, mở rộng chủng loại và số lượng các mặt hàng chế biến có GTGT và hàng có chứng nhận/*Maintain simultaneous production of both clam and pangasius product groups, expand the types and quantities of value-added processed goods and certified products*.

+ Đầu tư về chiều sâu, tăng cường công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất- chất lượng và hiệu quả/*Invest in depth, strengthen initiatives and technical improvements to enhance productivity, quality, and efficiency*.

+ Chú trọng đầu tư vào hoạt động R&D, phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao, an toàn và truy xuất nguồn gốc/ *Focus investment on R&D activities, developing new high-value, safe, and traceable products.*

+ Tiếp tục hoàn thiện các qui trình kiểm soát nội bộ, tăng cường các giải pháp quản trị và quản lý tiên tiến trong toàn Công ty/ *Continue to perfect internal control processes, strengthen advanced governance and management solutions throughout the Company.*

+ Hiện thực hóa các mục tiêu Phát triển bền vững thông qua đánh giá, chấm điểm các chỉ số doanh nghiệp Phát triển bền vững PANSI của Tập đoàn PAN/ *Realize Sustainable Development goals through assessing and scoring the PANSI Sustainable Development enterprise indicators of The PAN Group.*

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability:*

+ Môi trường: Giảm phát thải, tái tạo và khai thác bền vững/ *Environment: Reduce emissions, regenerate, and exploit sustainably.*

+ Xã hội: Gắn kết người lao động và cộng đồng/ *Society: Engage employees and the community.*

+ Quản trị: Minh bạch, công bằng, hiệu quả, chống tham nhũng, đảm bảo lợi ích cổ đông và thúc đẩy đổi mới sáng tạo/ *Governance: Transparency, fairness, efficiency, anti-corruption, ensuring shareholder benefits, and promoting innovation.*

5. *Các rủi ro/Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

Tuy ngành thủy sản Việt Nam đã xác lập được vị thế và tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế và có những yếu tố hỗ trợ tốt cho những năm tới nhưng ngành thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn do những yếu tố bên ngoài và những yếu tố nội tại của ngành như các yếu tố/ *Although Vietnam's seafood industry has established a strong position and high competitiveness in the international market and has favorable supporting factors for the coming years, the industry still faces many difficulties due to external factors and internal factors of the industry, such as:*

a/ *Rủi ro kinh tế/ Economic risks:*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước và của các nước nhập khẩu có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Khi kinh tế tăng trưởng, mức tiêu thụ thủy sản của người tiêu dùng cũng tăng và ngược lại,... do đó sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ *Domestic economic growth rate and that of importing countries directly affect the demand for seafood consumption. When the economy grows, consumer seafood consumption also increases, and vice versa,... thus impacting the Company's production and business activities.*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v... ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường/ *The overall economic growth rate of the country, bank deposit interest rates, inflation situation, etc., affect the Company's stock price in the market.*

b/ *Rủi ro về môi trường/ Environmental risks:*

- Nghêu: Sản lượng nghêu nuôi phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên/ *Clams: Farmed clam production depends on natural seed sources.*

- Thời tiết nắng nóng kéo dài, môi trường ô nhiễm,... làm cho nghêu chết nhiều trong quá trình nuôi/ *Prolonged hot weather, environmental pollution,... cause high mortality rates for clams during farming.*

- Cá tra: Nguy cơ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh phát triển/
Pangasius: Risk of environmental degradation, food safety and hygiene issues, and disease outbreaks.

- Không xảy ra dịch bệnh lớn, nhưng bệnh cá xảy ra thường xuyên trong quá trình ương nuôi/
No major epidemics occurred, but fish diseases occur frequently during the nursing and farming process.

c/ Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh/ *Risks arising from business characteristics*

- Nguyên liệu đầu vào hạch toán bằng tiền đồng nhưng doanh thu là ngoại tệ nên khi tỷ giá có biến động tăng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ tăng và ngược lại/ *Input materials are accounted for in VND, but revenue is in foreign currency, so when the exchange rate fluctuates upwards, the Company's revenue and profit will increase, and vice versa.*

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng, lao động có tay nghề và lao động phổ thông bị cạnh tranh trong và ngoài ngành/ *Production costs are increasing, skilled and unskilled labor face competition both within and outside the industry.*

d/ Rủi ro về thị trường tiêu thụ/ *Market consumption risks*

- Việc xâm nhập vào các thị trường EU, Nhật và Mỹ vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật của các nước được áp dụng mạnh hơn, trong khi rào cản cũ vẫn có thể được tiếp tục duy trì/ *Penetrating markets like the EU, Japan, and the US still carries many risks due to competition from similar products, changes in consumer behavior, especially stricter trade and technical barriers imposed by countries, while old barriers may still be maintained.*

- Cá tra sẽ phải cạnh tranh với các sản phẩm thủy sản thịt trắng có thể được người tiêu dùng các nước chọn thay thế cá tra như cá pollock, cá tuyết, cá rô phi/ *Pangasius will face competition from white-fleshed seafood products that consumers in various countries might choose as substitutes, such as pollock, cod, and tilapia.*

- Tình hình địa chính trị thế giới đang trở nên rất bất ổn, dòng chảy hàng hóa đang bị thay đổi mạnh cũng tác động rất lớn đến nhu cầu thủy sản của từng thị trường/ *The global geopolitical situation is becoming very unstable, and the significant disruption in the flow of goods also greatly impacts the demand for seafood in each market.*

e/ Rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu/ *Risks in import-export activities*

Trong hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản thường xảy ra các rủi ro như qui cách chất lượng sản phẩm không phù hợp, sản phẩm bị trả lại, bị giảm giá/ *In seafood processing and export activities, risks such as non-conforming product quality specifications, product returns, and price reductions often occur; các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển, phân phối sản phẩm, thuế nhập khẩu, v.v... tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty/ risks arising during product transportation and distribution, import taxes, etc., negatively impact the Company's production and business activities.*

f/ Rủi ro về luật pháp/ *Legal risks*

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới,... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty/ *The issuance or change of new policies, regulations, etc., related to the industry's activities can affect the Company.*

Định hướng phát triển kinh tế du lịch của các địa phương đang làm ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của Công ty/ *The tourism economic development orientation of localities is affecting the Company's aquaculture activities.*

g/ Rủi ro khác/ *Other risks*

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty/ *Some force majeure risks are unlikely to occur, but if they do, they will impact the Company's business situation.*

Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn mặn, bão lụt, động đất, v.v...), dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn/ *These include natural disasters (saline intrusion, storms, floods, earthquakes, etc.), and large-scale serious epidemics.*

II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

-Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... / *Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

-Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/ *Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

Bảng: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch
Table: Annual Business Performance Results and Implementation Status Compared to the Plan

Stt No	Chỉ tiêu/ <i>Indicator</i>	Kế hoạch năm 2024/ <i>Plan 2024</i>	Thực hiện năm 2024/ <i>Actual 2024</i>	% tăng, giảm so năm 2023/ <i>% change vs 2023</i>	% đạt so kế hoạch năm 2024/ <i>% achieved vs Plan 2024</i>
1	Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	600 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	583,49 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	+9,54%	97,24%
2	Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	75 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	113,22 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	+60,73%	150,96%
3	Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>		101,48 tỷ đồng/ <i>billion VND</i>	+58,90%	
4	Lãi cơ bản trên CP/ <i>Basic EPS</i>		7.623 đồng/VND		
5	Trích quỹ phúc lợi/ <i>Welfare fund</i>	5% lợi nhuận sau thuế/ <i>5% PAT</i>	5,07 tỷ đồng/ <i>billion VND</i> (5% lợi nhuận sau thuế)/ (5% PAT)		

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum*

vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.

+ Ông Phan Hữu Tài - Tổng Giám đốc/ Mr. Phan Huu Tai - General Director

- Ngày sinh/ *Date of birth*: 04/10/1977
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Bến Tre/ *Ben Tre*
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: Xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre/ *Huu Dinh Commune, Chau Thanh District, Ben Tre Province.*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualification*: Cử nhân kinh tế ngoại thương/ *Bachelor of Foreign Trade Economics*
- Số cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Số cổ phần của những người có liên quan/ *Shares held by related persons*:
Bà Trịnh Hồng Nhiên (Vợ) - Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần (0,008% số cổ phần có quyền biểu quyết)/ *Ms. Trinh Hong Nkien (Wife) - Number of shares held: 1,000 shares (0.008% of voting shares)*

+ Ông Bùi Kim Hiếu - Phó Tổng Giám đốc/ Mr. Bui Kim Hieu - Deputy General Director

- Ngày sinh/ *Date of birth*: 28/08/1971
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Bến Tre/ *Ben Tre*
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: Xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre/ *Chau Hoa Commune, Giong Trom District, Ben Tre Province*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualification*: Kỹ sư Thủy sản, Cử nhân Quản trị kinh doanh/ *Engineer of Aquaculture, Bachelor of Business Administration*
- Số cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held*: 55.088 cổ phần, chiếm 0,468% số cổ phần có quyền biểu quyết/ *55,088 shares, accounting for 0.468% of voting shares*
- Số cổ phần của những người có liên quan/ *Shares held by related persons*: Không có/ *None*

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Người phụ trách kế toán/ Ms. Nguyen Thi Hong Van – Person in charge of accounting

- Ngày sinh/ *Date of birth*: 02/06/1986
- Nơi sinh/ *Place of birth*: Bến Tre/ *Ben Tre*
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: 877D, ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre/ *877D, Phu Chien Hamlet, Phu Hung Commune, Ben Tre City, Ben Tre Province*
- Trình độ chuyên môn/ *Professional qualification*: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp/ *Bachelor of Corporate Accounting*
- Số cổ phần nắm giữ/ *Number of shares held*: 0 cổ phần/ *0 shares*
- Số cổ phần của những người có liên quan/ *Shares held by related persons*: Không có/ *None*

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management in the year).*

Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Lâm Thị Như Thơ kể từ ngày 31/08/2024 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/NQ.ABT ngày 29/08/2024/ *Dismissed Ms. Lam Thi Nhu Tho from the position of Chief Accountant effective August 31, 2024, according to Board Resolution No. 10/NQ.ABT dated August 29, 2024.*

Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hồng Vân giữ nhiệm vụ Người phụ trách kế toán Công ty từ ngày 01/12/2024 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/NQ.ABT ngày 30/11/2024/ *Appointed Ms. Nguyen Thi Hong Van to the position of Person in charge of accounting of the Company from December 1, 2024, according to Board Resolution No. 14/NQ.ABT dated November 30, 2024.*

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

+ Số lượng cán bộ, nhân viên/ *Number of employees*: 611 người (đến 31/12/2024)/ *611 people (as of December 31, 2024)*

+ Tóm tắt chính sách/ *Policy summary*: Công ty thực hiện tốt các chế độ chính sách theo đúng các qui định của pháp luật, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động/*The Company fully implements policies and regimes in accordance with legal regulations, taking good care of the material, spiritual life, and health of employees.*

Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ mát, chính sách thai sản,... cũng được Công ty thực hiện tốt nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động và nâng cao tính cạnh tranh về nhân lực của Công ty/ *Welfare policies and other benefits such as periodic health check-ups, company trips, maternity policies, etc., are also well implemented by the Company to show connection, care for employees, and enhance the Company's human resource competitiveness.*

+ Thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Changes in policies for employees*: không có/ *none*.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets. Không có.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

- Công ty liên kết/ *Associated company*: không có/ *none*.

- Công ty con/ *Subsidiary*: Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BEN TRE/*AQUATEX BENTRE High-tech Fisheries Co., Ltd.*

Công ty con hoạt động chuyên về sản xuất cá tra giống với tình hình tài chính lành mạnh/ *The subsidiary specializes in producing pangasius fingerlings with a healthy financial situation.*

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/Indicators	Năm/ Year 2024	Năm/ Year 2023	% tăng, giảm/ % change
Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	773.847.842.386	651.384.406.231	+18,8%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	583.491.023.422	532.664.144.385	+9,54%

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>	113.010.132.895	70.265.316.913	+60,83%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	213.762.172	179.696.552	+18,96%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	113.223.895.067	70.445.013.465	+60,73%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	101.488.892.957	63.871.593.981	+58,9%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	40,34%	55,09%	

- Các chỉ tiêu khác/ *Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*). Không có/ *None*.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators*:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/Year 2024	Năm/Year 2023	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	2,26	2,15	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset – Inventories</i>)/ <i>Short term Debt</i>	1,64	1,56	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0,27	0,25	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)	0,38	0,33	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	3,20	3,05	
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/Average Total Assets</i>)	0,82	0,84	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i>			
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>)	0,17	0,12	

+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital Ratio</i>)	0,18	0,13	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets Ratio</i>)	0,13	0,10	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i>)	0,19	0,13	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành/ *Number of outstanding shares*: 11.777.257 cổ phần/
11,777,257 shares
- Loại cổ phần đang lưu hành/ *Type of outstanding shares*: cổ phần phổ thông/ *Common shares*
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng/ *Number of restricted shares*: 140.000 cổ phần/
140,000 shares
- Số lượng cổ phiếu quỹ/ *Number of treasury shares*: 2.609.950
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/ *Number of freely transferable shares*: 11.634.257 cổ phần/
11,634,257 shares

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.* Theo Bảng cơ cấu cổ đông/ *According to the Shareholder Structure Table.*

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%/ *The maximum foreign ownership ratio in the Company is 50%.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*Specify equity increases including public*

offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc. Không có phát sinh trong năm/ No occurrences during the year.

Bảng: Cơ cấu cổ đông (tại ngày 20/03/2024)

Table: Shareholder Structure Table (as of March 20, 2024)

Stt No.	Đối tượng/ Subject	Số lượng cổ phiếu/ No. of Shares	Tỷ lệ sở hữu (%) / Ownership (%)	Số lượng cổ đông/ No. of Shareholders	Cơ cấu cổ đông/ Shareholder Structure	
					Tổ chức/ Org.	Cá nhân/ Ind.
1	Cổ đông Nhà nước/ State	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/FDI/ Founder/FDI	-	-	-	-	-
	-Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	-Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn/ Major	10.245.785	71,21	2	1	1
	-Trong nước/ Domestic	10.245.785	71,21	2	1	1
	-Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
4	Công đoàn Công ty/ Union	-	-	-	-	-
	-Trong nước/ Domestic	-	-	-	-	-
	-Nước ngoài/ Foreign	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury	2.609.950	18,14	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi/ Preferred					
7	Cổ đông khác/ Other	1.531.472	10,65	966	28	938
	-Trong nước/ Domestic	1.260.453	8,77	866	14	852
	-Nước ngoài/ Foreign	271.019	1,88	100	14	86
TỔNG CỘNG/ TOTAL		14.387.207	100,00	969	30	939
Trong đó: - Trong nước/ Domestic In there:		14.116.188	98,12	869	16	853
- Nước ngoài/ Foreign		271.019	1,88	100	14	86

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties. Không có/ None

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues. Không có/ None

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường/ Impact on environment:

- Tiếp tục tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường/ Continue strict compliance with legal regulations on environmental protection.

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/Total direct and indirect GHG emission: 5.056 tấn CO2 phát thải/ 5,056 tons of CO2 emitted.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

+ Sắp xếp lại dây chuyền sản xuất để tiêu thụ ít năng lượng hơn, giảm phát thải khí nhà kính/*Rearrange production lines to consume less energy, reducing greenhouse gas emissions.*

+ Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ làm giảm tiêu thụ năng lượng/*Upgrade equipment and technology to reduce energy consumption.*

+ Xây dựng quy trình ương, nuôi thả ra ít chất thải nuôi cá/*Develop nursing and farming processes that generate less fish farming waste.*

+ Tăng cường sử dụng các loại nhiên liệu tái tạo, nhiên liệu thân thiện môi trường/*Increase the use of renewable and environmentally friendly fuels.*

+ Tuyên truyền tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu sản xuất có thể làm gia tăng chất thải hữu cơ và phát thải khí nhà kính/*Promote saving energy and production materials that can increase organic waste and greenhouse gas emissions.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.*

Thùng carton : 382 tấn; PAPE : 103 tấn; PE : 66 tấn/*Cardboard boxes: 382 tons; PAPE: 103 tons; PE: 66 tons.*

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.* Không có/*None.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Điện: 6.859.240 KW; Xăng: 6.811 lít; Dầu FO: 80.501 lít; Dầu DO: 95.834 lít.

Electricity: 6,859,240 kW; Gasoline: 6,811 liters; FO Oil: 80,501 liters; DO Oil: 95,834 liters.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.* Không có/*None.*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.* Không có/*None.*

6.4. Tiêu thụ nước/*Water consumption:*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước cho chế biến thủy sản: nước ngầm; Lượng nước sử dụng: 81.885 m³/*Water source for seafood processing: groundwater; Water consumption: 81,885 m³.*

Nguồn cung cấp nước cho nuôi thủy sản: nước sông/*Water source for aquaculture: river water;*

Lượng nước sử dụng/*Water consumption: 490.000 m³/ 490,000 m³*

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.* Không có/*None.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment. Không có/None.*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment. Không có/ None.*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

Số lượng lao động/*Number of employees: 611 người/ 611 people; mức lương trung bình đối với người lao động/ average salary per employee: 11.162.727 đồng/người/tháng/ 11,162,727 VND/person/month.*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Công ty thực hiện các chế độ chính sách theo đúng các quy định của pháp luật, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động/*The Company implements policies and regimes in accordance with legal regulations, taking good care of the material, spiritual life, and health of employees.*

Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền tham quan nghỉ mát, chính sách thai sản,... cũng được Công ty thực hiện tốt nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động và nâng cao tính cạnh tranh về nhân lực của Công ty/*Welfare policies and other benefits such as periodic health check-ups, allowances for company trips, maternity policies, etc., are also well implemented by the Company to show connection, care for employees, and enhance the Company's human resource competitiveness.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

20h/năm (quản lý: 16h/năm; công nhân sản xuất trực tiếp: 24h/năm)

20h/year (management: 16h/year; direct production workers: 24h/year).

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development. Không có/None.*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Tặng quà Tết cho Hội người mù tỉnh Bến Tre, gia đình chính sách tại các xã Công ty có nhà máy, trang trại tọa lạc/*Presenting Tet gifts to the Ben Tre Provincial Association for the Blind, policy families in communes where the Company's factories and farms are located.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the SSC. Không có/None.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch

thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

Trong năm, Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre đã thực hiện tốt công tác đầu tư nâng cấp, quản trị hiệu quả, ... đáp ứng yêu cầu SXKD nên sản lượng thành phẩm tăng, chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu nâng cao, hiệu quả hoạt động tăng trưởng tốt/ *During the year, Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company effectively implemented investment upgrades and efficient governance, meeting business requirements, resulting in increased finished product output, enhanced product quality and brand reputation, and good operational growth.*

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/ *The Company's achievements:*

+ Nâng cao hiệu quả nuôi trồng, cải thiện FCR, TLS, rút ngắn thời gian nuôi và tăng sản lượng đáng kể/ *Enhanced farming efficiency, improved FCR, survival rate (TLS), shortened farming time, and significantly increased output.*

+ Cải tiến công nghệ, tự động hóa giúp tăng sản lượng thành phẩm, hạ giá thành/ *Improved technology and automation helped increase finished product output and reduce costs.*

+ Giữ vững thị trường truyền thống (EU, Bắc Mỹ, Nhật Bản,...) và phát triển thêm sản phẩm GTGT/ *Maintained traditional markets (EU, North America, Japan, ...) and developed more value-added products.*

+ Giữ chân lao động tay nghề, thu nhập bình quân tăng, tạo nền tảng cho tăng trưởng/ *Retained skilled labor, increased average income, creating a foundation for growth.*

+ Đạt các giải thưởng, danh hiệu cấp Tập đoàn, cấp tỉnh và cấp Quốc gia/ *Achieved awards and titles at the Group, provincial, and national levels.*

- Định hướng phát triển/ *Development orientation:*

+ Tăng quy mô sản xuất: Hướng đến mức sản lượng tối ưu để tận dụng hiệu quả máy móc, thiết bị và giảm giá thành/ *Increase production scale: Aim for optimal output levels to effectively utilize machinery, equipment, and reduce costs.*

+ Phát triển sản phẩm chế biến sâu (GTGT): Tập trung vào các sản phẩm có giá trị cao để ổn định thị trường đầu ra và nâng cao hiệu quả kinh doanh/ *Develop deep-processed (value-added) products: Focus on high-value products to stabilize output markets and enhance business efficiency.*

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

- Tài sản ngắn hạn/ *Short-term assets:* Tài sản ngắn hạn cuối năm 2024 của Công ty đạt 443,3 tỷ đồng, tăng 32,4% so với đầu năm, trong đó phần lớn đến từ các khoản tiền, tương đương tiền 57,6 tỷ đồng và đầu tư ngắn hạn 213,6 tỷ đồng/ *The Company's short-term assets at the end of 2024 reached VND 443.3 billion, an increase of 32.4% compared to the beginning of the year, largely due to cash and cash equivalents of VND 57.6 billion and short-term investments of VND 213.6 billion.*

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản tiền, tương đương tiền và tiền gửi kì hạn chiếm 61,2%, hàng tồn kho chiếm 27,6%, các khoản phải thu ngắn hạn chiếm 10,8%, các khoản phải thu khác chiếm 0,77%/ *Within the short-term asset structure, cash, cash equivalents, and term deposits account for 61.2%, inventories account for 27.6%, short-term receivables account for 10.8%, and other receivables account for 0.77%.*

Tính thanh khoản của Công ty cao do các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng kỳ hạn chiếm tỷ lệ tương đối lớn, hệ số thanh toán hiện hành đạt mức 2,26 lần/ *The Company's liquidity is high as cash and term bank deposits constitute a relatively large proportion; the current ratio reached 2.26 times.*

Các khoản phải thu khách hàng giữ ở mức tương đương so với cùng kì, trả trước khách hàng giảm 40,2% (6,5 tỷ đồng) chủ yếu do năm trước có các khoản phải trả từ các hợp đồng đặt cọc trước cho nhà cung ứng/ *Receivables from customers remained at a similar level compared to the same period; prepayments to suppliers decreased by 40.2% (VND 6.5 billion), mainly because the previous year included payables from deposit contracts with suppliers.*

Hàng tồn kho trong năm 2024 tăng 7,5% so với đầu năm, chủ yếu do chi phí cho vùng nuôi tăng 23,7% (18,5 tỷ đồng), ngược lại nguyên liệu giảm 39,3% (7,2 tỷ đồng) so với năm 2023/ *Inventories in 2024 increased by 7.5% compared to the beginning of the year, mainly due to a 23.7% increase (VND 18.5 billion) in costs for farming areas; conversely, raw materials decreased by 39.3% (VND 7.2 billion) compared to 2023.*

- Tài sản dài hạn/ *Long-term assets*: Tài sản dài hạn cuối năm 2024 tăng nhẹ 4,5%, trong đó TSCĐ tăng 29,6%, tài sản dài hạn giảm mạnh chủ yếu do các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang hoàn thiện chuyển sang thành tài sản cố định/ *Long-term assets at the end of 2024 increased slightly by 4.5%, with fixed assets increasing by 29.6%; the sharp decrease in other long-term assets was mainly due to the completion and transfer of construction in progress items to fixed assets.*

Tài sản dài hạn khác giữ nguyên so với cùng kì, chủ yếu là các chi phí trả trước liên quan tới vùng nuôi/ *Other long-term assets remained unchanged compared to the same period, mainly consisting of prepaid expenses related to farming areas.*

Tình hình nợ phải trả/ *Debt Payable*:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Nợ phải trả ngắn hạn trong năm 2024 của Công ty là 211,2 tỷ đồng, tăng 31,6% với đầu năm, trong đó khoản vay ngắn hạn tăng 31,2 tỷ đồng, tương đương 31,2% so với đầu năm, đồng thời phải trả người bán giảm nhẹ so với đầu năm, ở mức 13 tỷ đồng/ *The Company's short-term liabilities in 2024 were VND 211.2 billion, an increase of 31.6% compared to the beginning of the year. Short-term loans increased by VND 31.2 billion, equivalent to 31.2% compared to the beginning of the year, while payables to suppliers slightly decreased compared to the beginning of the year, standing at VND 13 billion.*

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- Thành lập Phòng Công nghệ để tăng cường nghiên cứu, kiểm nghiệm, ứng dụng kỹ thuật mới/ *Established a Technology Department to enhance research, testing, and application of new techniques.*

- Hoàn thiện, cập nhật hệ thống văn bản nội bộ, quy trình kiểm soát, giám sát hoạt động minh bạch, hiệu quả/ *Perfected and updated the internal document system, control procedures, and monitored operations for transparency and efficiency.*

- Triển khai biện pháp phòng chống tham nhũng, cải thiện điều kiện làm việc và chăm sóc sức khỏe nhân viên/ *Implemented anti-corruption measures, improved working conditions, and employee healthcare.*

- Bổ nhiệm cán bộ quản lý, tăng cường đào tạo nâng cao chuyên môn, kỹ năng/ *Appointed management personnel, enhanced training to improve expertise and skills.*

- Tăng cường kiểm tra nội bộ, thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ bởi đơn vị độc lập/ *Strengthened internal audits, conducted periodic internal assessments by an independent unit.*

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in future*

- Cải tiến quy trình nuôi để ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và tối ưu hóa hiệu quả/ *Improved farming processes to respond to climate change, protect the environment, and optimize efficiency.*

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp theo hướng tự động hóa và số hóa quy trình sản xuất, quản lý/ *Continue investing in upgrades towards automation and digitalization of production and management processes.*

- Ưu tiên phát triển các dòng sản phẩm chế biến sâu, đặc biệt là sản phẩm bao bột và chiên/ *Prioritize the development of deep-processed product lines, especially breaded and fried products.*

- Chủ động tìm kiếm, phát triển các thị trường tiêu thụ tiềm năng cho các sản phẩm GTGT/ *Proactively seek and develop potential consumer markets for value-added products.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/ *Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).* Không có/None.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

Thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước/ *Implemented in accordance with State regulations.*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ *Assessment concerning the labor issues*

Thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước/ *Implemented in accordance with State regulations.*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Công ty duy trì thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *The Company maintains its corporate responsibility towards the local community.*

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)*

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Năm 2024, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã thích ứng tốt với bối cảnh kinh tế, đạt kết quả khả quan/ *In 2024, the Company's production and business activities adapted well to the economic context, achieving positive results.*

Công ty chủ động triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, từ cải tiến kỹ thuật nuôi trồng, nâng cao hiệu quả chế biến đến đầu tư nâng cấp/ *The Company proactively implemented numerous synchronous solutions, from improving farming techniques and enhancing processing efficiency to investing in upgrades.*

Theo đó, Công ty không chỉ ổn định sản xuất, giữ vững thị phần mà còn đạt tăng trưởng tốt về doanh thu, lợi nhuận, thể hiện rõ trách nhiệm với môi trường và xã hội/ *Consequently, the Company not only stabilized production and maintained market share but also achieved good growth in revenue and profit, clearly demonstrating environmental and social responsibility.*

Việc duy trì nghiêm ngặt các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế (BRC, IFS, ASC,...), tuân thủ pháp luật về môi trường, đảm bảo hoạt động an toàn và đạt nhiều giải thưởng uy tín đã khẳng định vị thế, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo/ *Strict adherence to international quality standards (BRC, IFS, ASC,...), compliance with environmental laws, ensuring safe operations, and achieving numerous prestigious awards have affirmed the Company's position and created a solid foundation for the next development phase.*

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance

Ban Giám đốc công ty đã triển khai đầy đủ, đúng hạn các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, tuân thủ chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty/ *The Company's Board of Management fully and timely implemented the resolutions of the GMS and BOD, adhering to the functions and tasks outlined in the Company Charter.*

Hoạt động sản xuất kinh doanh được điều hành an toàn, hiệu quả, đạt các mục tiêu đề ra/ *Production and business activities were managed safely and effectively, achieving the set objectives.*

Ban Giám đốc công ty đã tuân thủ tốt các quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng quản trị/ *The Company's Board of Management complied well with legal regulations, the Charter, and internal regulations, contributing to improving governance quality.*

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

- Tập trung vào đổi mới sáng tạo để tạo ra các sản phẩm mới/ *Focus on innovation to create new products.*

- Đầu tư vào công nghệ tự động hóa, số hóa hệ thống quản lý sản xuất/ *Invest in automation technology and digitalization of the production management system.*

- Tham gia chương trình đánh giá doanh nghiệp bền vững PANSI của Tập đoàn PAN/ *Participate in The PAN Group's PANSI sustainable enterprise assessment program.*

- Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025/ *Implement the 2025 business plan:*

+ Doanh thu thuần/ *Net revenue: 650 tỷ đồng/ VND 650 billion*

+ Lợi nhuận trước thuế/ *Profit before tax: 98 tỷ đồng/ VND 98 billion*

+ Chia cổ tức/ *Dividend payout: 30 %*

+ Trích quỹ phúc lợi/ *Welfare fund appropriation: 5 % lợi nhuận sau thuế/ 5% of profit after tax*

V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).*

Stt No	Cơ cấu Hội đồng quản trị <i>Structure of the Board of Directors</i>	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết <i>Ownership percentages of voting shares</i>	Thành viên HĐQT/Members		Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác/ <i>the quantity of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies</i>
			Không điều hành/Not executive	Độc lập <i>Independent members</i>	
1	Ông/Mr Nguyễn Văn Khải - Chủ tịch HĐQT	0%	X		5
2	Ông/Mr Phan Hữu Tài	0%			0
3	Ông/Mr Hồ Quốc Lực	0%	X	X	2

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*). Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

- Hoạt động của HĐQT/*Activities of the Board of Directors*:

+ Lập và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024/*Prepared and monitored the implementation of the 2024 business plan*;

+ Tổ chức ĐHCĐ thường niên ngày 20/4/2024/*Organized the Annual General Meeting of Shareholders on April 20, 2024*;

+ Giám sát việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty với công ty con/*Supervised the consolidation of the Company's financial statements with its subsidiary*;

+ Giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc/*Supervised the activities of the General Director*;

+ Giám sát hoạt động đầu tư của Công ty tại công ty con/*Supervised the Company's investment activities in its subsidiary*.

- Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors*:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông/Mr Nguyễn Văn Khải	6/6	100%	
2	Ông/Mr Phan Hữu Tài	6/6	100%	
3	Ông/Mr Hồ Quốc Lực	6/6	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of*

Directors' subcommittees: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results).

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập/ *Activities of independent BOD members:*

+ Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ/ *Supervised the implementation status of GMS Resolutions;*

+ Giám sát hoạt động điều hành và quản lý của Tổng Giám đốc/ *Supervised the operational and management activities of the General Director;*

+ Giám sát tình hình tài chính/ *Supervised the financial situation;*

+ Giám sát quản trị rủi ro/ *Supervised risk management;*

+ Phân tích, phản biện và tham vấn các quyết sách của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo tính khách quan và minh bạch trong quá trình ra quyết định/ *Analyzed, critiqued, and consulted on the decisions of the Board of Management, ensuring objectivity and transparency in the decision-making process;*

+ Đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc nhận diện sớm các vấn đề tiềm ẩn, từ đó đưa ra biện pháp xử lý kịp thời/ *Proposed effective risk management solutions, assisting the Board of Management in early identification of potential issues, thereby enabling timely remedial actions.*

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ *Activities of the Board of Directors' subcommittees:*

HĐQT không thành lập các tiểu ban do cơ cấu tổ chức Công ty được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng nghiệp vụ/ *The BOD did not establish subcommittees as the Company's organizational structure integrates control and risk management functions directly into the operational departments.*

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Hồ Quốc Lực phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự/ *Independent BOD member Ho Quoc Luc is in charge of remuneration and personnel matters.*

- Đánh giá của các thành viên HĐQT độc lập/ *Assessment by independent BOD members:*
Qua quá trình đánh giá độc lập, thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhận thấy HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện cho các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Công ty/ *Through the independent assessment process, the independent Board members found that the BOD fully performed its function of representing the owners in supervising the Company's operational activities.*

HĐQT đã thể hiện vai trò định hướng chiến lược phù hợp, đưa ra các chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực, hướng tới đạt được các chỉ tiêu do ĐHCĐ đề ra/ *The BOD demonstrated an appropriate strategic orientation role, providing timely directives to ensure the effective use of resources, aiming to achieve the targets set by the GMS.*

Các quyết định và hành động của HĐQT được thực hiện trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, thể hiện sự minh bạch và trách nhiệm cao/ *The decisions and actions of the BOD were implemented based on strict compliance with current legal regulations and the Company Charter, demonstrating high transparency and responsibility.*

Bên cạnh đó, HĐQT đã duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành, đảm bảo các hoạt động vận hành được giám sát chặt chẽ, đồng thời kịp thời điều chỉnh khi cần thiết để phù hợp với tình hình thực tế/ *Additionally, the BOD maintained close coordination with the Executive Board, ensuring that operational activities were closely monitored and promptly adjusted as needed to suit the actual situation.*

- Các nghiệp vụ của Công ty chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT theo yêu cầu thông qua kênh liên lạc là Thư ký Công ty/ *The Company's departments are responsible for providing information and reports to the BOD upon request through the communication channel of the Company Secretary.*

HĐQT phân công cho thành viên HĐQT theo dõi, phụ trách một số mặt công tác của Công ty trong từng thời điểm/ *The BOD assigns specific aspects of the Company's work to be monitored and overseen by individual BOD members at different times.*

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.*

- Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty/ *BOD member with corporate governance training certificate: Ông/Mr Nguyễn Văn Khải.*

- Thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/ *BOD members participating in corporate governance programs during the year: Không có/ None*

2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ *Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company).*

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of the Board of Supervisors</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết/ <i>Ownership percentages of voting shares</i>
1	Bà/Ms Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS/ <i>Head of the Supervisory Board</i>	0,006%
2	Ông/Mr Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên/ <i>Member</i>	0%
3	Ông/Mr Lương Ngọc Thái	Thành viên/ <i>Member</i>	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/Audit Committee: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/ Assessing activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee's meetings, their contents and results).*

- Thành viên BKS kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hàng quý, việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, chính sách cho người lao động, mua sắm máy móc và các vấn đề có liên quan/ *BOS members inspect and supervise business operations, quarterly financial situation, compliance with the Law on Enterprises, Company Charter, GMS Resolutions, activities of the BOD and Board of Management, employee policies, machinery procurement, and related matters.*

- Cuộc họp của BKS/ *Meetings of Board of Supervisors:*

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự/ <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết/ <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
---------	--	---	---	--------------------------------------	---

1	Bà/Ms Đặng Thị Bích Liên	4/4	100%	100%	
2	Ông/Mr Nguyễn Văn Nguyên	4/4	100%	100%	
3	Ông/Mr Lương Ngọc Thái	4/4	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

Stt No.	Họ tên/ Name	Chức vụ/ Position	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác Salary, rewards, remuneration and benefits
1	Ông/Mr Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors	360.000.000
2	Ông/Mr Phan Hữu Tài	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc Member/General Director	3.039.690.600
3	Ông/Mr Hồ Quốc Lực	Thành viên HĐQT/ Member	180.000.000
4	Ông/Mr Bùi Kim Hiếu	Phó Tổng Giám đốc/ Người CBTT/Cán bộ quản trị Deputy General Director/ Information Disclosure Person In charge of administration	912.384.244
5	Bà/Ms Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS Head of the Supervisory Board	235.832.750
6	Ông/Mr Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	48.000.000
7	Ông/Mr Lương Ngọc Thái	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	36.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/Share transactions by internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons). Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/Contracts or transactions with internal shareholders: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ

quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

Stt No	Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i>	Số giấy NSH/ <i>Business Registration Certificate No</i>	Nội dung giao dịch/ <i>Content of transaction</i>	Giá trị giao dịch/ <i>Total value of transaction (VNĐ)</i>
1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT HIGH-TECH CO., LTD)	1301083932	Bán hàng hóa/ <i>Sell goods</i>	382.144.404
2	Công ty CP Thực phẩm Khang An (KHANG AN FOODS)	2200780985	Bán hàng hóa/ <i>Sell goods</i>	168.000.000
3	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	2200208753	Mua hàng hóa/ <i>Purchase goods</i>	4.661.623.000
4	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT HIGH-TECH CO., LTD)	1301083932	Mua hàng hóa/ <i>Purchase goods</i>	674.319.600
5	Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang (584NHATRANGSEACOM)	4200636551	Mua hàng hóa/ <i>Purchase goods</i>	38.051.666
6	Công ty CP Phân phối hàng tiêu dùng PAN (PAN CG)	1101912597	Mua hàng hóa/ <i>Purchase goods</i>	98.211.944
7	Công ty CP Cà phê Golden Beans	314681060	Mua hàng hóa	5.413.334
8	Công ty CP Thực phẩm PAN (PAN FOOD)	313041011	Thu hồi nợ gốc cho vay/ <i>Loan principal recovery</i>	30.000.000.000
9	Công ty CP Thực phẩm PAN (PAN FOOD)	313041011	Lãi cho vay/ <i>Interest due to lending</i>	1.459.178.077
10	Công ty CP Tập Đoàn PAN (PAN GROUP)	0301472704	Chia cổ tức/ <i>Pay dividends</i>	18.012.058.000
11	Công ty CP Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN)	2200208753	Nhận cổ tức/ <i>Receive dividends</i>	16.178.000.000
12	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT HIGH-TECH CO., LTD)	1301083932	Chi hộ/ <i>Pay for it</i>	163.475.782

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance. Specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

Trong năm 2024, Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*In 2024, the Company strictly implemented regulations on information disclosure according to Circular 96/2020/TT-BTC, regulations of the Ho Chi Minh City Stock Exchange, and the State Securities Commission.*

Các thông tin liên quan đến hình hình quản trị, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và các thông tin bất thường đều được Công ty công bố theo đúng thời hạn quy định, đảm bảo tính minh bạch với các cổ đông và nhà đầu tư/*Information related to corporate governance, business*

activities, and unusual information were all disclosed by the Company within the prescribed deadlines, ensuring transparency for shareholders and investors.

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện công tác kiểm toán nội bộ năm 2024/ *The Company signed a contract with Viet Standard Audit and Consulting Co., Ltd. to perform internal audit work for 2024.*

Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/ *Plan to enhance efficiency in corporate governance activities:*

+ HĐQT duy trì nề nếp hoạt động thường xuyên, phù hợp quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty/ *The BOD maintains regular operational routines, consistent with the provisions of the Charter and internal regulations on corporate governance.*

+ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên phối hợp để ban hành các chủ trương, chính sách mới trong công tác quản lý điều hành và triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT/ *The BOD and the Company's Board of Management regularly coordinate to issue new guidelines and policies in management and operations and implement resolutions of the GMS and BOD.*

+ Duy trì và phát huy vai trò của kiểm toán nội bộ, tăng cường giám sát, phát hiện và xử lý rủi ro sớm/ *Maintain and promote the role of internal audit, strengthen supervision, detection, and early handling of risks.*

VI. Báo cáo tài chính/Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions (Theo Báo cáo kiểm toán độc lập - số tham chiếu 0881/VN1A-HN-BC.ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Công ty DELOITTE VIỆT NAM) (*According to the Independent Audit Report - reference number 0881/VN1A-HN-BC. dated March 28, 2025 of DELOITTE VIETNAM*)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất/ *We have audited the accompanying consolidated financial statements of Ben Tre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 27 March 2025 as set out from page 05 to page 28, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2024, and the consolidated statement of income, and consolidated statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.*

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc/ *Management's Responsibility for the Consolidated Financial Statements*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn/ *Management is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.*

Trách nhiệm của Kiểm toán viên/ *Auditors' Responsibility*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các

chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Ý kiến của Kiểm toán viên/ *Opinion*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất/ *Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.*

Vấn đề khác/ *Other Matter*

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 25 tháng 3 năm 2024 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần/ *The consolidated financial statements of the Company for the year ended 31 December 2023 were audited by another auditor who expressed an unmodified opinion on those statements on 25 March 2024.*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/ *Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ: [www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông](http://www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông)).

Nơi nhận/ Recipients:

- Như Kính gửi/ As Dear
- Lưu: VT, CBTT/
- Archived:VT, CBTT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



Phan Hữu Tài
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ
PHẦN XUẤT
NHẬP KHẨU
THỦY SẢN
BẾN TRE

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
BẾN TRE
DN: C=VN, S=BẾN TRE, L=Huyện
Châu Thành, O=CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN
TRÉ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
1300376365
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.23 16:24:23+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0